

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Ý YÊN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ - ST  
Ngày 23 - 7 - 2021  
V/v Ly hôn giữa Chị T và anh H.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Trọng Tảo.

Bà Trương Thị Dung.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Mạnh Thắng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23/7/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cù Thị T- Sinh năm: 1992.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H – Sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Đội 4, L, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

*(Chị T xin vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***1. Trong đơn khởi kiện ngày 07/5/2021, bản tự khai ngày 12/5/2021 nguyên đơn chị Cù Thị T trình bày:***

Chị và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh N vào năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn đã trầm trọng, khả năng hàn gắn là rất khó khăn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được lời khai của anh H và không tiến hành hòa giải được cho anh chị. Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*2. Tại biên bản làm việc với UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N ngày 07/6/2021, đại diện chính quyền địa phương cung cấp:*

Vợ chồng Chị T và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y vào năm 2015, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Sau khi chị T, anh H kết hôn, anh chị sống tại nhà của bố mẹ chị T. Quá trình chung sống, anh H không chịu làm ăn để kiếm thu nhập nên gia đình Chị T đã nhiều lần không đồng ý cho anh H ở cùng nữa, mâu thuẫn của chị T, anh H đã trầm trọng, khả năng hàn gắn là rất khó khăn.

Về con chung: chị T, anh H không có con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh H địa phương không nắm được.

Địa phương cho biết các văn bản tố tụng quá trình giải quyết vụ án Tòa án gửi về cho anh H, anh H đều đã nhận được, biết được việc Chị T xin ly hôn nhưng anh H có quan điểm không lên Tòa án để làm việc.

*3. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa chị Cù Thị T và anh Phạm Văn H; Về con chung: Không có; Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh N. Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Cù Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Cù Thị T đề nghị xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cù Thị T và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh N trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Anh H mặc dù biết được việc Chị T xin ly hôn nhưng anh H vẫn không đến Tòa án để giải quyết, điều này thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét tình trạng hôn nhân giữa Chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị và anh H ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: chị T, anh H không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Cù Thị T và anh Phạm Văn H.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cù Thị T phải nộp 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu số AA/2015/0001761 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ý Yên, Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: chị T, anh H được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Ý Yên;
- Chi cục THADS huyện Ý Yên;
- UBND xã Y;
- UBND xã Y;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Bùi Thị Ngọc Bích**